

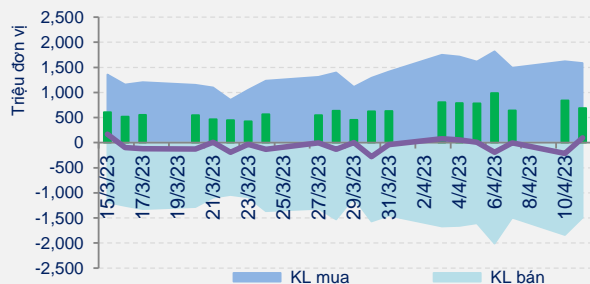
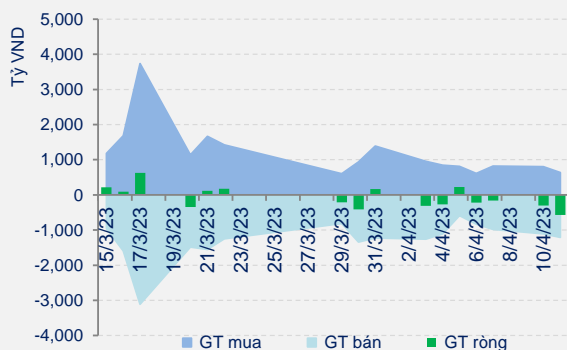
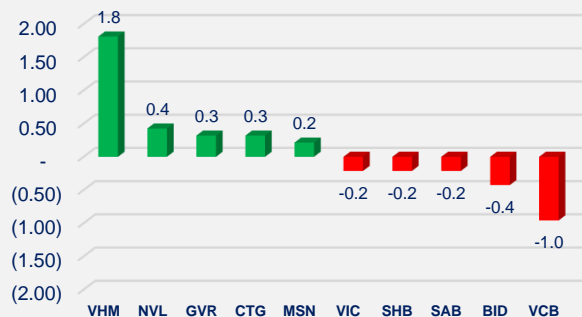
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/4/2023

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,069.46	212.34
% Thay đổi	↑ 0.39%	↑ 0.16%
KLGD (CP)	689,316,863	113,977,208
GTGD (tỷ đồng)	11,588.04	1,708.74
Tổng cung (CP)	1,492,959,970	171,889,800
Tổng cầu (CP)	1,587,299,723	168,973,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	47,412,000	1,608,143
KL mua (CP)	22,562,200	717,600
GT mua (tỷ đồng)	638.22	16.70
GT bán (tỷ đồng)	1,208.59	18.78
GT ròng (tỷ đồng)	(570.37)	(2.08)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Dưới áp lực giảm điểm cuối phiên trước, VN-INDEX đầu phiên giao dịch 11/04/2023 tiếp tục giảm về vùng hỗ trợ quanh vùng 1.057 điểm, tương ứng đường giá trung bình MA20 và bắt đầu phục hồi mạnh mẽ trở lại trong phiên chiều dưới ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu bất động sản. Kết phiên VN-INDEX tăng 4,11 điểm (0,39%) lên mức 1069,46 điểm với khối lượng giao dịch giảm so với phiên trước. Độ rộng thị trường tích cực với 228 mã tăng giá (06 mã tăng trần), 138 mã giảm giá (02 mã giảm sàn) và 70 mã tham chiếu. HNX-INDEX tích cực tăng 0,34 điểm (0,19%) lên mức 212,34 điểm với 81 mã tăng giá (08 mã tăng trần), 71 mã giảm giá (09 mã giảm sàn) và 64 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 13.293,7 tỉ đồng, giảm 23,1% so với phiên trước do nhiều nhóm mã phục hồi với thanh khoản kém sau áp lực bán phiên trước. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trên HOSE với giá trị bán ròng gia tăng lên 570,44 tỉ đồng, trong đó tập trung bán ròng đột biến ở các mã nhóm chứng khoán, thép... Bán ròng trên HNX với giá trị 2,08 tỉ đồng.

Các cổ phiếu nhóm bất động sản chịu áp lực bán mạnh trong phiên sáng sau đó phục hồi mạnh trở lại dưới ảnh hưởng tích cực từ cổ phiếu NVL. Cổ phiếu này đảo chiều mạnh và tăng trần sau thông tin Phó Thủ tướng chỉ đạo Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Tổ công tác làm việc với UBND các tỉnh Đồng Nai, Bình Thuận để giải quyết các vướng mắc, khó khăn của Tập đoàn. Ngoài ra tại tờ trình Chính phủ mới đây, Bộ Xây dựng đề nghị bỏ quy định chủ đầu tư dự án thương mại phải dành 20% quỹ đất xây nhà ở xã hội; Đề xuất bỏ thời hạn hợp đồng thuê tối thiểu 5 năm; Đề nghị Chính phủ không quy định sở hữu nhà chung cư có thời hạn. Đà tăng giá của NVL và những thông tin nói trên giúp nhiều mã trong ngành kết phiên tăng điểm tích cực như VHM (+3,41%), HDG (+2,88%), DXG (+2,62%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí sau thời gian điều chỉnh tích lũy cũng đã phục hồi tốt ngay từ đầu phiên khi giá dầu vẫn duy trì ở mức cao và các thông tin về kết quả kinh doanh Quí I đang dần có với mức tăng giá tốt như PVB (+5,80%), PVC (+5,26%), VTO (+3,35%), BSR (+2,47%), PVS (+1,56%), PVT (+1,39%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán cũng phục hồi rất tốt vào phiên chiều tương tự nhóm bất động sản với nhiều mã vẫn duy trì thanh khoản ở mức cao như VDS (+5,16%), BSI (+5,08%), VIC (+3,28%), FTS (+3,07%), MBS (2,99%)...

Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp, cao su duy trì diễn biến khá tích cực so với chỉ số chung với nhiều mã tăng tốt như TIP (+6,95%), GVR (+2,20%), SZC (+1,25%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng sau khi chịu áp lực bán mạnh ở phiên trước đã phục hồi trở lại ở các vùng hỗ trợ với thanh khoản suy giảm khá mạnh như LCG (+2,05%), HHV (+1,93%), BCC (+1,72%), FCN (+1,30%)... ngoài một số mã vẫn duy trì xu hướng và thanh khoản tích cực như CTI (3,17%), CTD (+2,77%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2304 tăng 3,2 điểm (0,30%), mức chênh lệch gia tăng lên -5,71 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch gia tăng mạnh 35,90% so với phiên trước. Các kỳ hạn VN30F2305, VN30F2306, VN30F2309 gia tăng mức chênh lệch lên từ -10,61 điểm đến -13,71 điểm cho thấy các trader vẫn chưa có kỳ vọng lạc quan về triển vọng tăng trưởng của VN30.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/4/2023

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Sau 3 phiên điều chỉnh, phiên hôm nay thị trường đã có nỗ lực phục hồi và phát ra tín hiệu tích cực về khả năng thị trường sẽ trở lại xu hướng tăng sau điều chỉnh. Trong phiên sáng VnIndex vẫn tiếp tục giảm điểm dưới áp lực bán ra mạnh trong giai đoạn điều chỉnh, có thời điểm VnIndex đã chạm ngưỡng hỗ trợ MA20 nhưng lực cầu bắt đáy gia tăng về cuối phiên giúp VnIndex đóng cửa tăng điểm và tạo thành một khoảng điều chỉnh đẹp trong thời gian qua. Chúng tôi kỳ vọng đợt điều chỉnh sẽ sớm kết thúc.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Lực cầu tăng mạnh về cuối phiên giúp cho VnIndex đóng cửa tăng 4,11 điểm (+0,39%) đưa đến khả năng đợt điều chỉnh sẽ sớm kết thúc. Với nỗ lực phục hồi trong phiên hôm nay và khối lượng giao dịch toàn phiên vẫn duy trì khá tích cực, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ sớm kết thúc điều chỉnh để trở lại xu hướng tăng ngắn hạn, mục tiêu của VnIndex đang hướng tới có thể là vùng kháng cự ngắn hạn 1.150 hoặc cao hơn theo kênh tăng (2 đường đồ song song) trên đồ thị.

Xu hướng Trung- Dài hạn vẫn chưa có những thay đổi quan trọng sau phiên hôm nay, VnIndex vẫn đang vận động trong giai đoạn hồi phục sau khi tạo đáy vào tháng 11/2022. Tuy nhiên, giai đoạn hồi phục hiện tại đang dần tạo ra một nền tảng tích lũy chặt chẽ dần khi các sóng hồi phục liên tiếp tạo ra các đỉnh xấp xỉ nhau nhưng các đáy cao dần, trạng thái vận động hiện tại có thể xác nhận là trạng thái tích lũy chặt chẽ và tin cậy dần. Về vĩ mô có thể thấy giai đoạn hiện tại là giai đoạn rất khó đoán định, kinh tế toàn cầu tiếp tục khó dự đoán khi tình hình lạm phát đang khá phức tạp, sự phân cực trong tình hình địa chính trị hiện nay với sự trỗi dậy của khối BRICS càng làm cho bức tranh kinh tế toàn cầu thêm đa cực và không dễ đoán định, ở trong nước xu hướng lãi suất giảm và các chính sách cứu thị trường BĐS, trái phiếu đang có vẻ như có tác động tích cực nhưng chúng ta cần thêm thời gian để xác nhận vĩ mô tích cực trở lại. Do đó, chúng tôi nhận định xu hướng hiện mang tính chất tích lũy sẽ còn tiếp tục kéo dài trước khi thị trường có thể tạo ra một xu hướng (uptrend) thực sự mạnh mẽ.

Với nhận định thị trường như trên, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng các phiên điều chỉnh đang diễn ra để giải ngân gia tăng tỷ trọng, chúng tôi vẫn kỳ vọng VnIndex sẽ hướng tới khu vực 1.150 điểm. Thị trường hiện tại vẫn phù hợp cho mục tiêu giải ngân đầu tư nắm giữ trung - dài hạn (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy), mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/4/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
PVS	26.10	24-25.5	29-30	22	14.1	14.8%	31.0%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	16.25	14-15.5	19-20	12	16.9	-2.9%	-7.7%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	38.70	33-34.5	44-46	30	3.4	63.9%	84.5%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	33.10	28-30	36-37	27	16.6	-14.9%	-42.0%	Theo dõi chờ giải ngân
BSI	27.95	22-23	28.5-29.6	19	34.5	-18.3%	-68.5%	Theo dõi chờ giải ngân
BMP	62.30	61-63	75-76	56	7.3	27.6%	223.9%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	32.90	28.5-30	34-35	26	20.0	25.2%	-23.6%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	12.45	10.5-11.5	13.5-14	10	12.4	-44.2%	5.7%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thé	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/2/2023	POW	13.40	12.10	16-16.5	12.5	10.74%	Nắm giữ
3/8/2023	SZC	32.40	26.90	33-35	29	20.45%	Nắm giữ
3/9/2023	CSV	29.10	27.40	34-36	27	6.20%	Nắm giữ
3/9/2023	IDC	39.10	37.90	47-49	38	3.17%	Chia cổ tức tỉ lệ 20% tiền
30/3/2023	BVS	20.20	18.00	24-26	18.5	12.22%	Nắm giữ
31/3/2023	PTB	42.05	42.00	50-52	41	0.12%	Nắm giữ
4/4/2023	DBC	15.05	14.15	21-22	13.8	6.36%	Nắm giữ
4/4/2023	DCM	24.55	24.10	30-31	23	1.87%	Nắm giữ
4/4/2023	HAH	38.70	34.80	44-46	35	11.21%	Nắm giữ



TIN VÍ MÔ

Thép xây dựng đồng loạt giảm giá

Các doanh nghiệp thép trong nước vừa đồng loạt điều chỉnh giảm giá thép xây dựng từ 100 đồng/kg - 610 đồng/kg trong đó thép Pomina giảm mạnh nhất. Nguyên nhân là vì giá phôi thép nhập khẩu giảm và đầu ra tiêu thụ chậm.

Bộ Tài chính đề xuất giảm thuế giá trị gia tăng

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính vừa đề xuất giảm thuế VAT theo phương án 1 là sẽ giảm 2% thuế VAT đối với tất cả các loại hàng hoá, dịch vụ; Phương án 2 là sẽ chỉ giảm 2% thuế VAT đối với các nhóm hàng hoá, dịch vụ chưa được giảm thuế trong năm ngoài theo Nghị quyết 43 của QH. Thời gian giảm thuế từ 1/7/23 đến hết năm 2023

Giá xăng tăng hơn 1.000 đồng

Theo điều chỉnh của liên Bộ Công Thương từ 15h ngày 11/4, mỗi lít xăng tăng 1.090 đồng - 1.120 đồng và các mặt hàng dầu cũng đắt thêm 700 đồng - 720 đồng

Công bố báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2022, Quảng Ninh giữ vị trí đầu bảng năm thứ 6 liên tục

Với điểm số PCI tổng hợp năm 2022 đạt 73,02 điểm, Quảng Ninh tiếp tục là tỉnh đứng đầu. Bắc Giang nhảy vọt 29 bậc với điểm số ấn tượng 72,8 điểm vượt qua Hải Phòng để xếp thứ 2.

Dự án thương mại có thể không phải dành quỹ đất xây nhà xã hội

Tại tờ trình Chính phủ ngày 8/4, Bộ Xây dựng đề nghị bỏ quy định chủ đầu tư dự án thương mại phải dành 20% quỹ đất xây nhà ở xã hội sau khi tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngoài ra BXD cũng đề xuất bỏ thời hạn hợp đồng thuê tối thiểu 5 năm; giá thuê nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân, lực lượng vũ trang sẽ là thoả thuận giữa chủ đầu tư và người thuê; đề nghị Chính phủ không quy định sở hữu nhà chung cư có thời hạn.

EuroCham: Việt Nam vẫn là điểm đến thu hút mạnh mẽ dòng vốn FDI

Theo báo cáo Chỉ số Môi trường Kinh doanh (BCI) mới nhất do EuroCham và Decision Lab thực hiện, Việt Nam vẫn là điểm đến thu hút mạnh mẽ FDI trong mắt các lãnh đạo doanh nghiệp châu Âu, với hơn 3% cho rằng Việt Nam là một trong ba trọng điểm đầu tư của họ trên toàn thế giới. Nhìn chung, 36% số người tham gia khảo sát xếp Việt Nam ở vị trí đầu tiên, trong top 3 hoặc trong top 5 điểm đến đầu tư hàng đầu của họ trên phạm vi toàn cầu.



TIN DOANH NGHIỆP

PVT: Lợi nhuận quý 1 đạt 278 tỷ đồng

Kế hoạch kinh doanh 2023 với doanh thu 6.800 tỷ và LNST 538 tỷ. Kế hoạch đầu tư tàu mới 2023 gồm khoảng 164 triệu USD cho dự án 6 tàu chở từ Công ty mẹ và có vốn đầu tư ngoài hơn 190 triệu USD cho 12 tàu.

BCG: Năm 2023, kế hoạch lãi sau thuế hơn 650 tỷ và niêm yết BCG Land trong quý 3

Theo đó, BCG đặt kế hoạch doanh thu 6,924.5 tỷ đồng (+53% yoy) và LNST 650,3 tỷ đồng (+20% yoy). Cổ tức dự kiến 5%. Đồng thời, BCG sẽ chuẩn bị công tác niêm yết BCG Land, dự kiến trong quý 3/2023, nhằm tăng cường khả năng huy động vốn cho việc phát triển các dự án.

BIC: Doanh thu phí bảo hiểm Quý I đạt 25% kế hoạch 2023

Năm 2023, BIC đặt kế hoạch doanh thu phí bảo hiểm (Công ty mẹ) 4,585 tỷ đồng (+22,3% yoy) và LNTT hợp nhất 480 tỷ (+21,9% yoy). Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến 13.5%.

STK: sắp phát hành gần 12.3 triệu cp trả cổ tức, tỷ lệ 15%

Dự kiến, thời gian thực hiện trong quý 2/2023, sau khi được UBCKNN chấp thuận. Sau khi phát hành, vốn điều lệ của STK sẽ tăng thêm 123 tỷ đồng, lên mức hơn 966 tỷ đồng.

SSB: kế hoạch lãi trước thuế 2023 hơn 5,633 tỷ đồng

Theo đó, SSB đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 2023 là 5.633,3 tỷ đồng (+11% yoy). Đồng thời, SSB đặt mục tiêu tổng tài sản tăng 10% đến cuối năm 2023, tăng trưởng tín dụng đạt 11% và tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.

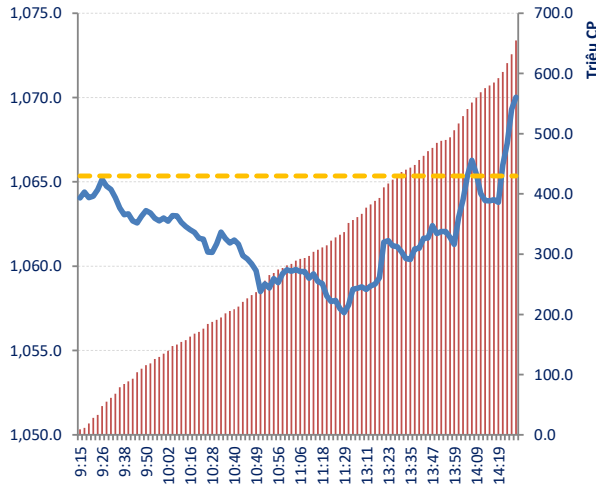
TNH: kế hoạch chào bán 29 triệu cp với giá 20,000 đồng/cp

Cụ thể, HĐQT CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã thông qua phương án chào bán gần 29 triệu cp ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá 20.000 đồng/cp. Đồng thời, Công ty cũng phát hành gần 15,6 triệu cp để trả cổ tức năm 2021.

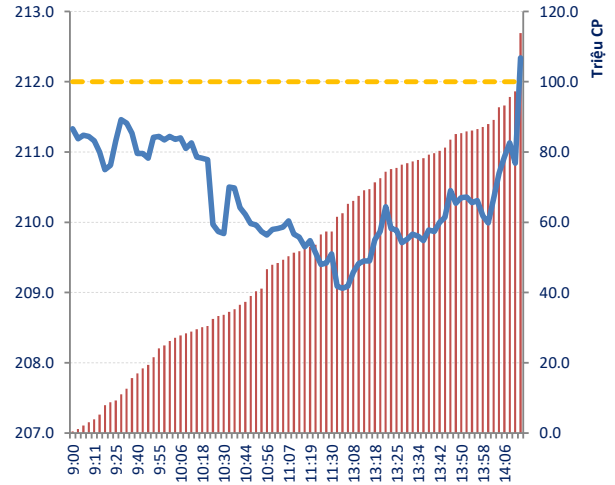


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

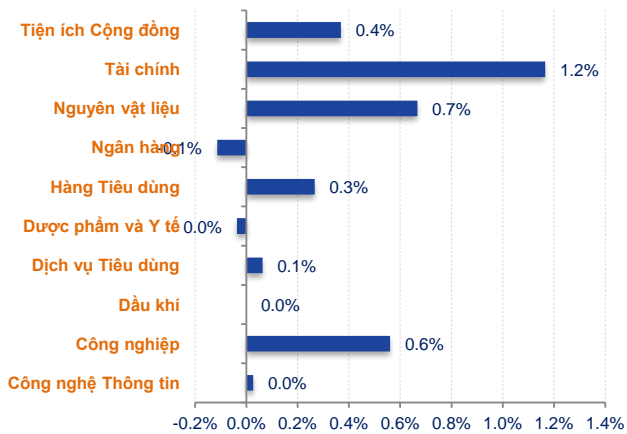
KLGD và VN-Index trong phiên



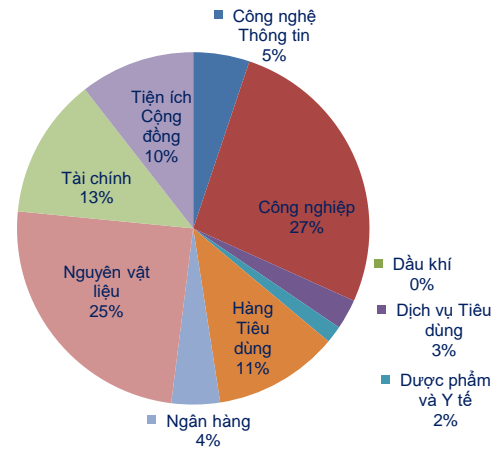
KLGD và HNX-Index trong phiên



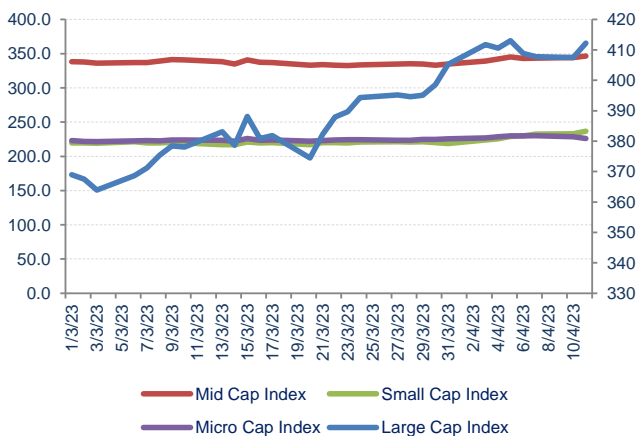
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



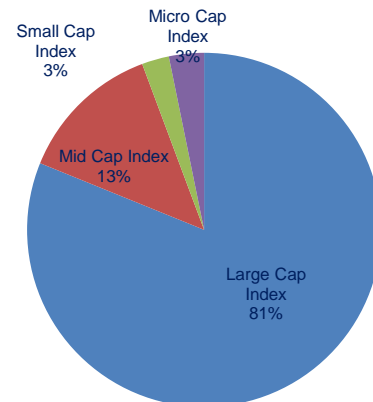
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HDB	683,600	VND	5,257,300	1	CEO	172,254	SHS	1,263,594
2	VIX	585,900	STB	4,112,500	2	PVS	128,803	IDJ	139,920
3	MIG	429,100	HPG	3,489,300	3	TNG	127,700	IVS	20,300
4	NLG	335,200	VPB	2,441,100	4	IDC	56,200	NVB	15,300
5	CII	213,900	SSI	1,832,600	5	MBS	30,400	THD	4,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	13.30	14.20	↑ 6.77%	63,469,800	SHS	10.40	10.60	↑ 1.92%	30,408,259
DIG	17.40	17.50	↑ 0.57%	41,249,300	CEO	25.00	25.40	↑ 1.60%	15,568,534
SHB	12.00	11.75	↓ -2.08%	32,852,100	IDJ	12.60	12.40	↓ -1.59%	9,235,177
VND	15.90	15.90	→ 0.00%	26,721,900	PVS	25.70	26.10	↑ 1.56%	6,827,712
SSI	22.40	22.60	↑ 0.89%	25,248,600	MBS	16.70	17.20	↑ 2.99%	4,428,933

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	43.00	46.00	3.00	↑ 6.98%	DHP	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
BTT	28.05	30.00	1.95	↑ 6.95%	TMB	23.00	25.30	2.30	↑ 10.00%
TIP	18.70	20.00	1.30	↑ 6.95%	TPH	14.80	16.20	1.40	↑ 9.46%
DAG	4.18	4.47	0.29	↑ 6.94%	EBS	9.60	10.50	0.90	↑ 9.38%
HHP	8.85	9.46	0.61	↑ 6.89%	SIC	30.20	33.00	2.80	↑ 9.27%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L10	27.25	25.35	-1.90	↓ -6.97%	CTT	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
HU3	5.40	5.03	-0.37	↓ -6.85%	HCT	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
CCI	28.00	26.10	-1.90	↓ -6.79%	DDG	38.00	34.20	-3.80	↓ -10.00%
VDP	37.70	35.15	-2.55	↓ -6.76%	L61	5.00	4.50	-0.50	↓ -10.00%
EMC	10.90	10.25	-0.65	↓ -5.96%	NBP	15.10	13.60	-1.50	↓ -9.93%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	63,469,800	5.3%	1,164	11.4	0.6
DIG	41,249,300	1.9%	236	73.6	1.4
SHB	32,852,100	19.7%	2,520	4.8	0.9
VND	26,721,900	10.0%	1,095	14.5	1.3
SSI	25,248,600	9.3%	1,367	16.4	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	30,408,259	2.1%	224	46.4	0.9
CEO	15,568,534	7.7%	1,084	23.1	1.7
IDJ	9,235,177	9.8%	866	14.5	1.1
PVS	6,827,712	6.9%	1,849	13.9	0.9
MBS	4,428,933	13.0%	1,531	10.9	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDW	↑ 7.0%	23.0%	5,591	7.7	1.6
BTT	↑ 7.0%	5.0%	1,333	21.0	1.0
TIP	↑ 7.0%	8.5%	2,184	8.6	0.7
DAG	↑ 6.9%	1.1%	124	33.7	0.4
HHP	↑ 6.9%	8.9%	1,142	7.8	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DHP	↑ 10.0%	8.3%	1,464	7.5	0.6
TMB	↑ 10.0%	52.9%	12,981	1.8	0.8
TPH	↑ 9.5%	6.3%	763	19.4	1.2
EBS	↑ 9.4%	8.3%	1,216	7.9	0.6
SIC	↑ 9.3%	14.7%	3,524	8.6	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	683,600	22.2%	3,081	6.4	1.3
VIX	585,900	5.4%	604	13.5	0.6
MIG	429,100	0.0%	-	-	1.4
NLG	335,200	4.1%	1,452	20.5	0.9
CII	213,900	8.3%	2,789	5.4	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	172,254	7.7%	1,084	23.1	1.7
PVS	128,803	6.9%	1,849	13.9	0.9
TNG	127,700	18.8%	2,880	6.0	1.1
IDC	56,200	40.1%	7,001	5.9	2.1
MBS	30,400	13.0%	1,531	10.9	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	421,194	24.4%	6,318	14.1	3.1
BID	226,116	19.1%	3,590	12.5	2.2
VHM	216,848	20.6%	6,621	7.5	1.5
VIC	205,190	5.9%	2,270	23.7	1.5
GAS	190,438	26.1%	7,732	12.9	3.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,685	4.2%	697	56.1	2.3
IDC	13,530	40.1%	7,001	5.9	2.1
KSF	12,750	5.6%	1,224	34.7	1.9
PVS	12,284	6.9%	1,849	13.9	0.9
PVI	11,548	0.5%	168	294.3	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.01	0.0%	3	1,893.5	0.4
DXG	2.99	1.6%	354	37.7	0.6
DIG	2.96	1.9%	236	73.6	1.4
NHA	2.77	0.5%	45	301.0	1.3
PET	2.67	5.5%	1,114	21.1	1.1

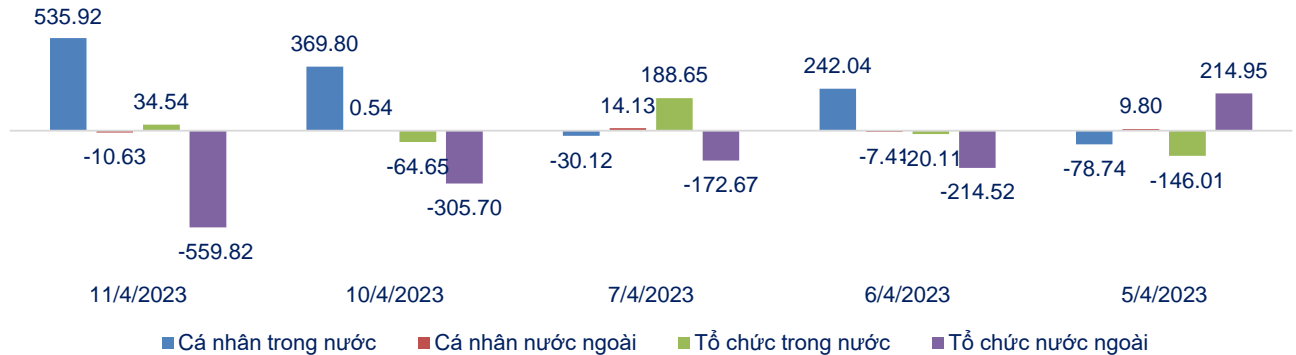
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.55	3.3%	615	86.0	4.0
APS	3.96	-37.9%	(5,410)	-	1.1
API	3.74	13.2%	1,410	9.7	1.2
CEO	3.70	7.7%	1,084	23.1	1.7
IDJ	3.59	9.8%	866	14.5	1.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	94.95	10.0%	1,095	14.5	1.3
STB	71.92	13.8%	2,674	9.7	1.3
KOS	52.90	1.0%	100	376.3	3.6
VPB	38.47	19.1%	2,714	7.7	1.4
PVD	36.58	-0.7%	(185)	-	0.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-27.86	20.6%	6,621	7.5	1.5
MSN	-17.08	9.0%	2,511	30.7	3.0
HDB	-16.45	22.2%	3,081	6.4	1.3
VRE	-11.83	8.7%	1,222	23.8	2.0
MBB	-10.21	24.6%	3,856	4.8	1.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	1.52	5.2%	1,141	32.7	1.7
DXG	1.31	1.6%	354	37.7	0.6
DXS	1.17	4.3%	760	8.7	0.4
PDR	0.76	13.1%	1,693	7.8	1.0
VIX	0.72	5.4%	604	13.5	0.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-3.93	1.9%	236	73.6	1.4
SSI	-3.31	9.3%	1,367	16.4	1.5
STB	-2.53	13.8%	2,674	9.7	1.3
VHM	-1.97	20.6%	6,621	7.5	1.5
NVL	-1.69	5.3%	1,164	11.4	0.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	36.41	9.1%	1,459	14.2	1.3
STB	34.13	13.8%	2,674	9.7	1.3
FUEVFNVD	33.13	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	20.13	20.6%	6,621	7.5	1.5
VPB	12.55	19.1%	2,714	7.7	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KOS	-52.44	1.0%	100	376.3	3.6
VIX	-24.72	5.4%	604	13.5	0.6
HSG	-24.12	-10.0%	(1,793)	-	0.9
PNJ	-23.67	25.0%	5,622	13.7	3.0
SBT	-13.68	7.5%	1,064	15.0	1.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	13.31	22.2%	3,081	6.4	1.3
PNJ	11.38	25.0%	5,622	13.7	3.0
NLG	9.75	4.1%	1,452	20.5	0.9
VHM	9.70	20.6%	6,621	7.5	1.5
MIG	6.90	0.0%	-	-	1.4

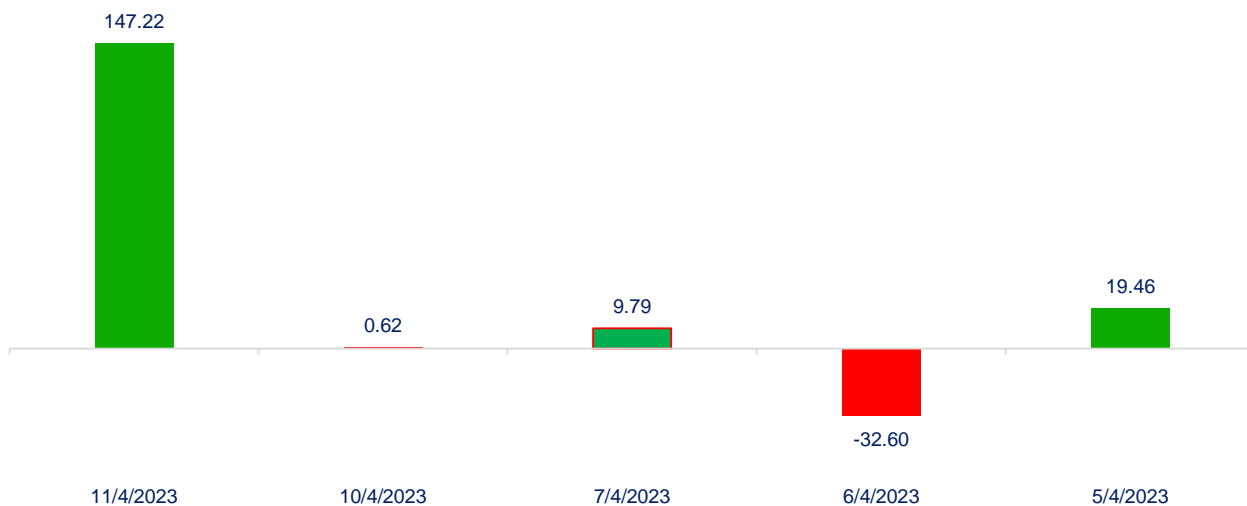
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-103.53	13.8%	2,674	9.7	1.3
VND	-82.33	10.0%	1,095	14.5	1.3
HPG	-72.03	9.1%	1,459	14.2	1.3
VPB	-50.60	19.1%	2,714	7.7	1.4
SSI	-37.16	9.3%	1,367	16.4	1.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, Số 235 Đồng Khởi,
phường Bến Nghé, Q.1, TP. HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn